

Bản án số: 50/2018/DS-ST

Ngày: 27-03-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hội ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị U

2. Ông Nguyễn Văn Tư

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 420/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Kim H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn S, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)

Chị Lê Thị U, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Kim H trình bày: Vào các năm 2015, 2016 và 2017 chị có tham gia 09 dây hội do anh S và chị U làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- Dây hội 01: Hội mở vào ngày 20/10/2015 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 1.000.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia

01 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 24 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 24.000.000 đồng.

- Dây hội 02: Hội mở vào ngày 10/01/2016 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 500.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 02 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 22 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 11.000.000 đồng.

- Dây hội 03: Hội mở vào ngày 06/03/2016 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 1.000.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 02 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 20 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 40.000.000 đồng.

- Dây hội 04: Hội mở vào ngày 20/5/2016 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 500.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 01 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 17 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 8.500.000 đồng.

- Dây hội 05: Hội mở vào ngày 15/10/2016 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 1.000.000 đồng, gồm 34 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 02 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 13 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 26.000.000 đồng.

- Dây hội 06: Hội mở vào ngày 02/02/2017 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 1.000.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 01 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 9 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 9.000.000 đồng.

- Dây hội 07: Hội mở vào ngày 02/02/2017 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 500.000 đồng, gồm 32 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 01 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 9 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 4.500.000 đồng.

- Dây hội 08: Hội mở vào ngày 10/04/2017 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 1.000.000 đồng, gồm 32 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 01 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 7 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 7.000.000 đồng.

- Dây hội 09: Hội mở vào ngày 15/5/2017 âm lịch, hội tiền mỗi phần là 500.000 đồng, gồm 30 phần, mỗi tháng mở hội 01 lần, trong dây hội này chị tham gia 01 phần, chị đóng hội đến kỳ mở hội thứ 6 thì vợ cH anh S, chị U tuyên bố ngừng khai hội, còn nợ lại chị 3.000.000 đồng.

Ngoài ra chị có mua của anh S, chị U 02 dây hội, cụ thể:

- Dây 01: mở ngày 06/3/2016 âm lịch, hội tiền 1.000.000 đồng, gồm 30 phần với số tiền 24.660.000 đồng

- Dây 02: mở ngày 02/01/2017 âm lịch, hội tiền 1.000.000 đồng, gồm 30 phần với số tiền 24.000.000 đồng

Chị H đã giao đủ tiền cho chị U, anh S, thỏa thuận khi mãn hội mỗi dây hội chị U, anh S sẽ giao lại cho chị 60.000.000 đồng, tuy nhiên hiện nay đã vỡ hội nhưng không trả tiền lại cho chị. Đối với 02 dây hội mua này chị H yêu cầu anh S, chị U trả tiền vốn tổng cộng 48.660.000 đồng.

Tổng cộng các dây hội anh S, chị U còn nợ chị số tiền 181.660.000 đồng, tại phiên tòa chị H đồng ý trừ cho chị U, anh S 1.660.000 đồng tiền hoa H, chỉ yêu cầu anh S chị U trả lại 180.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Lê Thị U trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của chị H về các dây hội trên và thống nhất số tiền chị nợ hội là 181.660.000 đồng, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên chị xin trả vốn với số tiền là 147.480.000 đồng, trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Ngoài ra chị còn trình bày nợ hội này do chị dùng cho cá nhân không liên quan đến cH chị là anh Phan Văn S.

Tại bản tự khai bị đơn anh Phan Văn S trình bày: Anh không đồng ý trả số tiền nợ hội 147.480.000 đồng vì chị Lê Thị U chơi hội anh không biết, không có chữ ký nào liên quan đến các dây hội trên. Số tiền hội chị U dùng vào việc riêng không đóng góp cho gia đình.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn khởi kiện đối với chị U và anh S. Chị U và anh S có địa chỉ tại ấp Ấp M, xã L, huyện Cnên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H khởi kiện chị U và anh S để tranh chấp tiền nợ hội. Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn S có đơn xin vắng mặt, chị Lê Thị U vắng mặt không có lý do đủ đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S và chị U.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Chị H yêu cầu anh S và chị U phải trả số tiền nợ hội là 180.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa chị U vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án Chị U đã thống nhất với số tiền nợ là 181.660.000 đồng nhưng số tiền nợ này bao gồm cả tiền lời nên Chị chỉ đồng ý trả số tiền nợ thực đóng của chị H với số tiền là 147.480.000 đồng, yêu cầu được trả mỗi tháng là 500.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch góp hội giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận. Chị H là hội viên có tham gia tổng cộng 09 dây hội tiền và mua 02 dây hội (có danh sách hội) do chị U làm đầu thảo. Chị H và chị U đã thừa nhận ban đầu là giao dịch hội giữa các bên là hội có lời, chị U là chủ hội nhưng lại để hội vỡ mặc dù chị H đã thực

hiện đúng nghĩa vụ của hội viên đóng đúng kỳ theo các kỳ hội và giao đủ tiền khi mua hội. Hiện tại chị U đã tuyên bố vỡ hội và không tổ chức hội nữa, nên vi phạm nghĩa vụ của chủ hội được quy định tại Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Do Chị U là người có lỗi trong việc vi phạm thỏa thuận giữa các bên nên chị U phải có nghĩa vụ trả phần tiền lời theo thỏa thuận ban đầu của các bên khi tham gia góp hội.

Về nghĩa vụ trả nợ, chị U cho rằng việc tổ chức hội cho các hội viên chỉ có một mình Chị tổ chức, số tiền hội chị dùng cho cá nhân, anh S là cH Chị không có liên quan nên nay Chị chỉ đồng ý một mình trả nợ cho chị H. Bị đơn anh S có ý kiến không có làm chủ hội cùng với chị U nên anh không đồng ý theo yêu cầu của chị H, số tiền hội chị U dùng vào việc riêng không đóng góp cho gia đình. Do các đương sự có mâu thuẫn lời khai nên Tòa án tiến hành đối chất nhưng không được do bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên ngoài lời trình bày ra anh S không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh. Tại biên bản hòa giải Chị U thừa nhận chị tổ chức hội cho các hội viên, anh S có tham gia đi gom hội, biết chị U tổ chức hội nhưng không có ý kiến phản đối. Hơn nữa hiện tại anh S và chị U là vợ cH đang trong thời kỳ hôn nhân nên phần nợ chị H là phần nợ chung của anh S và chị U. Do đó có đủ cơ sở buộc anh S cùng chị U phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị H.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị H là có cơ sở, phù hợp thực tế, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị U, anh S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 288, 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2006;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim H đối với chị Lê Thị U và anh Phan Văn S.

Buộc chị U và anh S phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị H số tiền nợ hội là 180.000.000 đồng, thời gian trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị U và anh S chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng chị U và anh S còn phải trả thêm phần tiền lãi theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Chị U và anh S phải phải liên đới chịu 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.541.500 đồng theo biên lai thu tiền số 15089 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Nguyễn Văn Thừa